

와/과, 하고, (이)랑

và, với

Ba cách nối hai danh từ hoặc nói bạn làm việc gì cùng ai. Chúng có cùng nghĩa, chỉ khác nhau ở mức độ trang trọng.

Cách kết hợp

Dạng	Sắc thái	Ví dụ
과 — sau phụ âm	trang trọng, văn viết	빵과 우유
와 — sau nguyên âm	trang trọng, văn viết	우유와 빵
하고	trung tính, văn nói	친구하고 갔어요
이랑 — sau phụ âm	thân mật	밥이랑 김치
랑 — sau nguyên âm	thân mật	커피랑 빵
Với 같이 / 함께	cùng với	친구하고 같이 갔어요

Khi nào dùng

Cả ba đều nối danh từ: 빵과 우유, 빵하고 우유, 빵이랑 우유 đều có nghĩa là bánh mì và sữa. Chúng cũng đánh dấu người cùng tham gia hành động: 친구하고 영화를 봤어요.

Lựa chọn nằm ở sắc thái trang trọng, không phải ở nghĩa. 와/과 là lựa chọn của văn viết và văn phong trang trọng, và là dạng duy nhất thay đổi theo phụ âm. 하고 ở mức trung tính và dùng được gần như ở mọi nơi. (이)랑 thân mật và gần gũi — hợp khi nói với bạn bè, nhưng lạc lõng trong một bản báo cáo.

Hai điều cần chú ý. Nhóm này chỉ nối danh từ; để nối hai mệnh đề bạn cần -고. Và khi muốn nói “cùng với”, tiếng Hàn thường thêm 같이 hoặc 함께: 친구하고 같이 갔어요.

Ví dụ trong câu

- 1

친구하고 같이 갔어요.
Tôi đã đi cùng với bạn.
- 2

커피랑 케이크 주세요.
Cho tôi cà phê và bánh ngọt.
- 3

한국과 일본은 가까워요.
Hàn Quốc và Nhật Bản ở gần nhau.
- 4

동생이랑 영화를 봤어요.
Tôi đã xem phim với em tôi.
- 5

빵하고 우유를 샀어요.
Tôi đã mua bánh mì và sữa.
- 6

부모님과 함께 살아요.
Tôi sống với bố mẹ.

So sánh với

-고
Dùng nhóm này để nối danh từ và -고 để nối mệnh đề. Chữ “và” trong tiếng Việt dùng được cho cả hai trường hợp, nên người học hay chọn nhầm.
빵하고 우유를 샀어요. (đã mua bánh mì và sữa) / 빵을 사고 집에 갔어요. (đã mua bánh mì rồi về nhà)

Sắc thái
Cùng một câu, ba mức độ. Hãy chọn tiểu từ phù hợp với hoàn cảnh thay vì chỉ dùng một dạng quen thuộc.
친구와 갔습니다. (báo cáo) / 친구하고 갔어요. (hằng ngày) / 친구랑 갔어. (với bạn bè)

(으)로
Cả hai đều có thể dịch là “với”, nhưng nghĩa khác nhau. Nhóm này chỉ người cùng làm; (으)로 chỉ công cụ hoặc chất liệu.
친구하고 만들었어요. (đã làm cùng với bạn) / 손으로 만들었어요. (đã làm bằng tay)

Lưu ý

- ✗ 빵을 사고 우유를 샀어요. — với ý “bánh mì và sữa”

○ 빵하고 우유를 샀어요.
-고 nối hai hành động. Để nối hai danh từ trong cùng một hành động, hãy dùng 와/과, 하고 hoặc (이)랑.
- ✗ 빵와 우유

○ 빵과 우유
와/과 là thành viên duy nhất của nhóm thay đổi theo phụ âm, và quy tắc ngược với 이/가: 과 đứng sau phụ âm, 와 đứng sau nguyên âm.
- ✗ 보고서를 친구랑 썼습니다.

○ 보고서를 친구와 썼습니다.
(이)랑 mang sắc thái thân mật, không hợp với đuôi trang trọng -습니다. Hãy giữ sắc thái nhất quán trong cả câu.